**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN N**
**TỈNH N**
**Bản án số:08/2024/DS-ST**
*Ngày:17/6/2024*
(v/v tranh chấp thừa kế tài sản)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hà Quang Văn, bà Nguyễn Thị Phương Thiệu

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Bùi Ngọc Tạo- Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Ngần – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2023/TLST- DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc: "tranh chấp thừa kế tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST - DS, ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa:

**- Nguyên đơn:** bà Đinh Thị N, sinh năm 1960. Địa chỉ: thôn T 2, xã V, huyện N, tỉnh N. Có mặt

**- Bị đơn:** ông Đinh Văn C, sinh năm 1966. Địa chỉ: thôn T 2, xã V, huyện N, tỉnh N. Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

**1.** Cụ Hoàng Thị Th, sinh năm 1933. Địa chỉ: thôn T 2, xã V, huyện N, tỉnh N. Có mặt

**2.** Bà Đinh Thị L, sinh năm 1958. Địa chỉ: phố Tân Lập thị trấn N, huyện N, tỉnh N. Có mặt

**3.** Ông Đinh Văn C1, sinh năm 1963. Địa chỉ: phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh N. Có mặt

**4.** Bà Đinh Thị N1, sinh năm 1975. Địa chỉ: số nhà 31, đường H T L, phố V, phường N T, thành phố N. Có mặt

Cụ Hoàng Thị Th bà các bà Đinh Thị L, Đinh Thị N1 đều có mặt và xác định tự mình tham gia tố tụng, không ủy quyền cho bà N nữa; ông C1 có mặt nhưng vẫn giữ nguyên việc ủy quyền cho bà Vũ Thị Kim O. Bà Vũ Thị Kim O có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Đinh Thị N trình bầy:

Cụ Đinh Cao H là bố đẻ của tôi, cụ chết năm 2006 không để lại di chúc. Di sản của cụ H để lại gồm: tài sản chung với vợ (cũng là mẹ đẻ tôi) là cụ Hoàng Thị Th (hiện vẫn còn sống) gồm: thửa đất số 36 tờ bản đồ số 2 địa phận xã V, huyện N có diện tích 1080 m2 trong đó có 360m2 đất ở, 720m2 đất vườn. Trên thửa đất 36 tờ bản đồ số 2 khi cụ H chết có căn nhà cấp 4 lợp ngói, nhưng hiện nay đã sụp đổ, hư hỏng hoàn toàn, không còn giá trị; trên đất có một số cây cối giá trị không đáng kể. Ngoài ra cụ H không còn để lại tài sản nào khác. Năm 2018, tôi và bà Đinh Thị N1 có bỏ tiền ra xây toàn bộ tường bao bằng gạch bi quanh khu đất. Đến năm 2021 tôi và bà Đinh Thị N1 tiếp tục bỏ tiền ra xây 01 căn nhà mái bằng diện tích khoảng 100m2 trên nền nhà cũ của bố mẹ tôi. Trong 720 m2 đất vườn ghi trong bìa đỏ mang tên cụ H có một phần đất được chia theo đầu khẩu khi Nhà nước chia đất nông nghiệp năm 1993 theo Quyết định 924 của UBND tỉnh N, lúc đó cụ H đi thoát ly nên không có tiêu chuẩn được chia đất nông nghiệp. Tôi đồng ý với kết quả xác minh của Tòa án tại xã V về việc chia đất nông nghiệp như sau: định mức chia đất nông nghiệp theo đầu khẩu tại thôn T 2, xã V, huyện N, tỉnh N mỗi người được chia 720m2 đất lúa (đất 2 lúa) hoặc đất lúa màu(đất 1 vụ lúa 1 vụ màu) và 240 m2 đất màu tại khu vực Thung. Tổng mỗi khẩu đất 313 được chia là 960m2. Hộ nào có nhiều đất vườn liền thổ đất ở thì sẽ tính đối trừ vào đất màu được chia ở khu vực Thung. Thời điểm đó hộ bố mẹ tôi được chia hai suất của cụ Hoàng Thị Th và bà Đinh Thị N1 nên diện tích đất nông nghiệp được chia là 1920m2, nhưng mẹ tôi và bà N1 không được chia đất màu ở khu vực Thung do có nhiều đất vườn liền thổ đất ở. Cụ thể: Theo GCNQSD đất cấp cho hộ cụ H thì đất ở là 360m2, đất vườn là 720m2, phần đất lúa màu được cấp là 1647m2, so với định mức 1920m2 còn thiếu là 1920- 1647 = 273m2. Phần thiếu 273 m2 này được trừ vào phần đất vườn 720m2 liền kề đất ở trong hộ cụ Đinh Cao H - Hoàng Thị Thược. Vì vậy phần đất vườn thuộc quyền sử dụng chung của cụ H và cụ Th chỉ còn là: 720m2- 273m2 = 447m2. Phần đất vườn còn lại của bà N1 theo tiêu chuẩn được chia đất nông nghiệp là 136,5 m2 cũng nhường cho cụ Th được quyền sử dụng.

Tôi xác định di sản của cụ H để lại chỉ có 180m2 đất ở và 223,5m2 đất vườn tại thửa đất số 36 tờ bản đồ số 2 địa phận xã V, huyện N. Về trị giá như biên bản định giá xác định đất ở 2.500.000 đ/m2, đất vườn là 800.000 đồng/m2 tôi thấy là hơi cao. Phần di sản của cụ H đề nghị Tòa án chia làm 6 kỷ phần cho sáu người thừa kế là cụ Hoàng Thị Th, bà Đinh Thị N, bà Đinh Thị N1, ông Đinh Văn C, ông Đinh Văn C1 và bà Đinh Thị L. Do kỷ phần thừa kế của các bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị N1 đều từ chối nhận và nhường các kỷ phần thừa kế cho cụ Hoàng Thị Th. Phần tài sản tôi và bà N1 đã đầu tư làm nhà mái bằng đề nghị chia gắn liền với đất vào kỷ phần của tôi hoặc cụ Th để tôi đỡ thiệt, tôi không yêu cầu cụ Th phải thanh toán chênh lệch tiền đã làm nhà, tài sản khác trên đất. Nếu phần căn nhà mái bằng chia vào kỷ phần thừa kế của các ông Đinh Văn C, Đinh Văn C1 thì đề nghị các ông Đinh Văn C, Đinh Văn C1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền tôi và bà N1 đã bỏ ra làm nhà. Riêng phần tiền tôi bỏ ra làm tường bao, tôi cũng không tính, không buộc các kỷ phần thừa kế phải thanh toán chênh lệch.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, kể cả việc đăng thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông Đinh Văn C vẫn vắng mặt nên Tòa án không lấy được ý kiến của ông Đinh Văn C.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn C1 (ủy quyền cho bà Vũ Thị Kim O) trình bầy:*

Cụ Đinh Cao H là bố chồng của tôi. Cụ Đinh Cao H cùng vợ là cụ Hoàng Thị Th có 05 người con gồm: các ông Đinh Văn C1, Đinh Văn C, các bà: Đinh Thị L, Đinh Thị N, Đinh Thị N1. Do đó hàng thừa kế thứ nhất của cụ H gồm: cụ Hoàng Thị Th và các ông Đinh Văn C1, Đinh Văn C, các bà: Đinh Thị L, Đinh Thị N, Đinh Thị N1. Cụ H chết năm 2006, khi chết không để lại di chúc. Di sản của cụ H để lại gồm: tài sản chung với vợ (cũng là mẹ đẻ chồng tôi – ông Đinh Văn C1) là cụ Hoàng Thị Th (hiện vẫn còn sống) gồm: thửa đất số 36 tờ bản đồ số 2 địa phận xã V, huyện N có diện tích 1080 m2 trong đó có 360m2 đất ở, 720m2 đất vườn. Phần đất vườn ghi trong bìa đỏ của cụ H và cụ Th tôi biết là phần đất được chia theo đầu khẩu khi Nhà nước chia đất nông nghiệp năm 1993 theo Quyết định 924 của UBND tỉnh N, lúc đó cụ H đi thoát ly nên không có tiêu chuẩn được chia đất nông nghiệp. Tôi cũng đồng ý kết quả xác minh của Tòa án về việc chia đất nông nghiệp năm 1993 cho các thành viên trong hộ cụ H- cụ Th, cụ thể xác định phần đất vườn thuộc quyền sử dụng chung của cụ H và cụ Th là = 447m2. Trên thửa đất 36 tờ bản đồ số 2 khi cụ H chết có căn nhà cấp 4 lợp ngói, nhưng hiện nay đã sụp đổ, hư hỏng hoàn toàn, không còn giá trị; trên đất có một số cây cối giá trị không đáng kể. Ngoài ra cụ H không còn để lại tài sản nào khác. Trên thửa đất 36 tờ bản đồ số 2 năm 2018, bà Đinh Thị N và bà Đinh Thị N1 có bỏ tiền ra xây toàn bộ tường bao bằng gạch bị quanh khu đất. Đến năm 2021 bà N và bà Đinh Thị N1 tiếp tục bỏ tiền ra xây 01 căn nhà mái bằng diện tích khoảng 100m2 trên nền nhà cũ của bố mẹ chồng tôi và một số công trình phụ trợ khác. Hiện nay toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất do mẹ đẻ chồng tôi là cụ Hoàng Thị Th đang quản lý. Tôi cũng đồng ý xác định di sản của cụ H để lại có 180m2 đất ở và 223,5m2 đất vườn tại thửa đất số 36 tờ bản đồ số 2 địa phận xã V, huyện N. Về trị giá như biên bản định giá xác định đất ở 2.500.000 đ/m2, đất vườn là 800.000 đồng/m2 tôi thấy hội đồng định giá làm theo quy định của pháp luật nên không có ý kiến. Tôi đề nghị phần di sản của cụ H sẽ chia làm 6 kỷ phần cho sáu người thừa kế là cụ Hoàng Thị Th, bà Đinh Thị N, bà Đinh Thị N1, ông Đinh Văn C, ông Đinh Văn C1 và bà Đinh Thị L. Kỷ phần thừa kế của cụ Hoàng Thị Th và các bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị N1, Đinh Thị N tôi không có ý kiến. Kỷ phần của ông Đinh Văn C1, thì đề nghị chia cho ông C1 bằng hiện vật, không nhận bằng tiền. Phần tài sản bà N và bà N1 đã đầu tư làm nhà mái bằng tôi cũng đề nghị chia gắn liền với đất vào kỷ phần của bà N và bà N1 để họ đỡ thiệt. Riêng phần tiền bà N và bà N1 bỏ ra làm công trình trên đất như nhà ở, tường bao, nếu bà N và bà N1 có yêu cầu thì riêng kỷ phần thừa kế của ông C1 sẽ không chấp nhận phải thanh toán chênh lệch đối với tài sản trên đất, vì các bà N và Năm tự ý làm. Nhất trí

quan điểm đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì do bà Đinh Thị N tự đứng ra tự chi trả, không yêu cầu các đồng thừa kế phải thanh toán.

Tại phiên tòa bà N đề nghị: do kỷ phần thừa kế của các bà N1 và bà L không nhường cho bà nữa mà nhường cho cụ Th nên nếu như Tòa án không tách thửa chia đất được thì cụ Th vẫn phải thanh toán kỷ phần thừa kế bằng tiền cho bà và bà cũng không yêu cầu cụ Th phải thanh toán phần tiền mà bà và bà N1 đã bỏ ra làm nhà, công trình khác trên thửa đất số 36 tờ bản đồ số 2 địa phận xã V. Đối với tiền chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng bà N tự chịu và chi trả không yêu cầu các đồng thừa kế phải hoàn trả, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Vũ Thị Kim O (người được ông Đinh Văn C1 ủy quyền) đề nghị: ngoài quyền lợi của ông Đinh Văn C1, thì Tòa án cũng chia thừa kế đảm bảo quyền lợi của ông Đinh Văn C.

Tại phiên tòa cụ Hoàng Thị Th đồng ý xác định di sản thừa kế của cụ H như nguyên đơn và bà Vũ Thị Kim O đã trình bày, nhất trí nếu chia đất được cho các kỷ phần thừa kế thì cụ đồng ý chia, nếu không chia tách thửa được thì cụ sẽ thanh toán bằng tiền cho các kỷ phần thừa kế theo giá mà Hội đồng định giá đã xác định, đồng ý nhận các kỷ phần thừa kế từ bà N1, bà L nhường cho.

Tại phiên tòa bà Đinh Thị L đồng ý xác định di sản thừa kế của cụ H như nguyên đơn và bà Vũ Thị Kim O đã trình bày và được chia cho 6 đồng thừa kế. Kỷ phần thừa kế của bà, bà không nhận mà nhường cho cụ Th.

Tại phiên tòa bà Đinh Thị N1 đồng ý xác định di sản thừa kế của cụ H như nguyên đơn và bà Vũ Thị Kim O đã trình bày và được chia cho 6 đồng thừa kế. Kỷ phần thừa kế của bà, bà không nhận mà nhường cho cụ Th. Đồng thời bà N1 vẫn giữ nguyên quan điểm đối với phần đất nông nghiệp (đất vườn) của bà được chia theo tiêu chuẩn là 136,5m2 nằm trong thửa 36 tờ bản đồ số 2 địa phận xã V bà cũng nhường cho cụ Th được quyền sử dụng; không yêu cầu cụ Th phải thanh toán phần tiền mà bà và bà N đã bỏ ra làm nhà, công trình khác trên thửa đất số 36 tờ bản đồ số 2 địa phận xã V.

Các vấn đề khác nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 5 điều 26, Điều 147, 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các Điều 357, 468, 609, 611, 612, 613, 650, 651, 652, 658, 660 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, 166, 167 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật. Xác định di sản của cụ Đinh Cao H (Đinh Văn H) để lại để chia thừa kế là quyền sử dụng 403.5m$^2$ đất, trong đó đất ở là 180m$^2$; đất vườn là

223,5m$^2$ tại thửa số 36 tờ bản đồ số 2, địa chỉ thửa đất thôn T 2, xã V, huyện N, tỉnh N có giá trị là 628.800.000 đồng. Phân chia di sản: chia cho cụ Hoàng Thị Th, bà Đinh Thị L; ông Đinh Văn C1; ông Đinh Văn C, bà Đinh Thị N và bà Đinh Thị N1 mỗi đồng thừa kế tương ứng 01 kỉ phần thừa kế bằng giá trị có trị giá là 104.800.000đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Đinh Thị L và Đinh Thị N1 về việc nhường kỉ phần thừa kế của mình cho cụ Th. Giao cho cụ Hoàng Thị Th được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ di sản thừa kế của cụ Đinh Cao H là 180m2 đất ở và 223,5m2 đất vườn tại thửa đất số 36 tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính xã V, huyện N, tỉnh N có tổng giá trị 628.800.000 đ (sau trăm hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng) cộng với phần tài sản riêng của cụ Th là 180m2 đất ở và 223,5m2 đất vườn, cộng với phần đất vườn cụ Th nhận từ bà N1 là 136,5m2 đất vườn tại thửa đất số 36. Tổng cộng cụ Hoàng Thị Th được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 36 tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính xã V, huyện N, tỉnh N có diện tích là 1080m2 đất trong đó có 360m2 đất ở, 720m2 đất vườn có giá trị tổng là 1.476.000.000 đồng. Thửa đất có tứ cận như sau: phía Đông giáp thửa 37 dài 14m; phía Tây giáp thửa 33 dài 12m; phía Nam giáp các thửa 393, 477 dài 46m; phía Bắc giáp thửa 36 dài 38m. Cụ Th được sở hữu toàn bộ tài sản là nhà ở, công trình khác trên đất và toàn bộ cây cối trên phần đất được chia, được giao quyền quản lý, sử dụng. Cụ Hoàng Thị Th có quyền kê khai, đăng ký biến động, sang tên trước bạ quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia và giao quyền quản lý, sử dụng tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Buộc cụ Hoàng Thị Th phải thanh toán giá trị kỉ phần thừa kế cho ông Đinh Văn C1, ông Đinh Văn C và bà Đinh Thị N mỗi người 104.800.000 đồng. Về chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng, tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: bà Đinh Thị N tự đứng ra tự chi trả, không yêu cầu các đồng thừa kế phải thanh toán, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí: ông Đinh Văn C phải nộp án phí theo luật định; cụ Hoàng Thị Th, bà Đinh Thị N và ông Đinh Văn C1 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn ông Đinh Văn C có địa chỉ: thôn T 2, xã V, huyện N, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện N áp dụng Điều 26; Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ủy quyền là bà Vũ Thị Kim O có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nhưng đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu do nguyên đơn xuất trình, lời khai của các bên đương sự Tòa án nhận định:

*Về xác định diện thừa kế, hàng thừa kế:*

Do các bên đương sự cùng trình bày thống nhất, cũng như qua xác minh có căn cứ xác định: Cụ Đinh Cao H (Đinh Văn Huy) và cụ Hoàng Thị Th là vợ chồng hợp pháp. Hai cụ có 05 người con chung là bà Đinh Thị N, bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị N1, ông Đinh Văn C, ông Đinh Văn C1. Năm người con cùng với cụ Hoàng Thị Th là hàng thừa kế thứ nhất của cụ H. Do đó các bà Đinh Thị N, Đinh Thị L, Đinh Thị N1, các ông Đinh Văn C, Đinh Văn C1 và cụ Hoàng Thị Th là hàng thừa kế thứ nhất của cụ H, đều có quyền thừa kế của cụ H và mỗi người có kỷ phần thừa kế bằng nhau.

Cụ Đinh Cao H chết năm 2006 không để lại di chúc nên di sản thừa kế của cụ Đinh Cao H được chia theo pháp luật cho các đồng thừa kế.

*Về xác định di sản thừa kế của cụ Đinh Cao H.*

Do các đương sự cùng trình bày thống nhất, cũng như kết quả xác minh ở xã V, có căn cứ để Tòa án xác định: cụ Đinh Cao H và cụ Hoàng Thị Th được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD)đất mang tên cụ H vào ngày 02/01/1997 tại thửa đất số 36 tờ bản đồ số 2 địa phận xã V, huyện N có diện tích 1080 m2 trong đó có 360m2 đất ở, 720m2 đất vườn, ngoài ra còn có đất nông nghiệp 313. Phần đất vườn ghi trong GCNQSD đất của cụ H và cụ Th với diện tích 720m2 còn là tài sản chung của cụ H, cụ Th và bà N1 vì: Tại thời điểm chia đất nông nghiệp năm 1993 hộ cụ H chỉ có 2 suất được chia đất nông nghiệp là cụ Th và bà N1. Định mức chia đất nông nghiệp theo đầu khẩu tại thôn T 2, xã V, huyện N, tỉnh N mỗi người được chia 720m2 đất lúa (đất 2 lúa) hoặc đất lúa màu(đất 1 vụ lúa 1 vụ màu) và 240 m2 đất màu tại khu vực Thung. Tổng mỗi đầu khẩu đất nông nghiệp 313 được chia là 960m2. Hộ nào có nhiều đất vườn liền thổ đất ở thì sẽ tính đối trừ vào đất màu được chia ở khu vực Thung. Theo GCNQSD đất cấp cho hộ cụ H thì đất ở là 360m2, đất vườn là 720m2, phần đất lúa màu được cấp là 1647m2, so với định mức 1920m2 còn thiếu là 1920- 1647 = 273m2. Phần thiếu 273 m2 này được trừ vào phần đất vườn 720m2 liền kề đất ở trong hộ cụ Đinh Cao H - Hoàng Thị Thược. Vì vậy phần đất vườn thuộc quyền sử dụng chung của cụ H và cụ Th chỉ còn là: 720m2- 273m2 = 447m2. Trên thửa đất 36 tờ bản đồ số 2 khi cụ H chết có căn nhà cấp 4 lợp ngói, nhưng đã sụp đổ, hư hỏng hoàn toàn, không còn giá trị; trên đất có một số cây cối giá trị không đáng kể. Ngoài ra cụ H không còn để lại tài sản nào khác. Trên thửa đất 36 tờ bản đồ số 2 năm 2018, bà Đinh Thị N và bà Đinh Thị N1 có bỏ tiền ra xây toàn bộ tường bao bằng gạch bi quanh khu đất. Đến năm 2021 bà N và bà Đinh Thị N1 tiếp tục bỏ tiền ra xây 01 căn nhà mái bằng diện tích khoảng 100m2 trên nền nhà cũ của bố mẹ và một số công trình phụ trợ khác. Hiện nay toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất do cụ Hoàng Thị Th đang quản lý.

Do đó có căn cứ xác định: Di sản của cụ H để lại là ½ diện tích đất ở, ½ diện tích đất vườn sử dụng lâu dài trong khối tài sản chung với cụ Th. Tổng cộng: (360m2 đất ở : 2 = 180m2) + (447m2 đất vườn lâu dài : 2) = 223,5m2**.** Có tổng giá trị, tính theo biên bản định giá là: (Đất ở 180m2 x 2.500.000 đồng) + (Đất vườn lâu dài 223,5m2 x 800.000 đồng) = 628.800.000 đồng.

Phần tài sản của cụ Th trong khối tài sản chung với cụ H là: (360m2 đất ở : 2 = 180m2) + ( 447m2 đất vườn lâu dài : 2= 223,5m2), trị giá cũng là 628.800.000 đồng. Phần tài sản riêng của cụ Th tại thửa đất số 36 tờ bản đồ số 2 địa phận xã V là 273m2: 2 = 136,5m2 đất vườn. Phần tài sản riêng của bà N1 tại thửa đất số 36 tờ bản đồ số 2 địa phận xã V là: 273m2 : 2 = 136,5m2 đất vườn. Bà N1 đã có quan điểm đồng ý nhường cho cụ Th quyền sử dụng 136,5m2 đất vườn này.

*Về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Đinh Cao H.*

Di sản thừa kế của cụ Đinh Cao H được chia làm 06 kỷ phần thừa kế cho 6 đồng thừa kế, gồm: cụ Hoàng Thị Th, bà Đinh Thị N, bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị N1, ông Đinh Văn C, ông Đinh Văn C1. Bà Vũ Thị Kim O là đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Văn C1 đề nghị được chia di sản bằng hiện vật. Tuy nhiên theo quy định tại Quyết định 64/2022/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh N, Quyết định ban hành quy định điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh N quy định:

*Điều 4. Diện tích tối thiểu được tách thửa.*

*Các thửa đất hình thành sau khi tách thửa phải đảm bảo các điều kiện sau:*

*1. Đất ở*

*a) Đất ở tại đô thị*

*……..*

*b) Đất ở tại nông thôn: Diện tích thửa đất không nhỏ hơn 60m$^2$ (Sáu mươi mét vuông) và chiều rộng, chiều sâu lớn hơn hoặc bằng 4m (bốn mét).*

*……*

Do đó, đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đinh Văn Huy bằng hiện vật là không phù hợp, không thể chia tách thửa được mà phải chia bằng giá trị cho các đồng thừa kế. Mỗi đồng thừa kế được hưởng phần di sản bằng số tiền là 628.800.000 đồng : 6 = 104.800.000 đồng.

Đối với kỷ phần thừa kế của các bà Đinh Thị L, Đinh Thị N1, do những người này nhường kỷ phần thừa kế của mình cho cụ Th nên cụ Th sẽ được hưởng kỷ phần thừa kế của các bà Đinh Thị L, Đinh Thị N1.

Vì vậy toàn bộ di sản của cụ H cần giao cho cụ Th quản lý, sử dụng. Cụ Th có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế là bà Đinh Thị N, các ông Đinh Văn C, Đinh Văn C1 mỗi người số tiền là 104.800.000 đồng.

Như vậy**,** phần tài sản cụ Th được giao quản lý, sử dụng, sở hữu sẽ là: phần tài sản cụ Th có trong khối tài sản chung với cụ H là: (360m2 đất ở : 2) + (447m2 đất vườn : 2)= 403,5m2; phần đất vườn cụ Th được chia theo đầu khẩu là 273m2: 2 = 136,5m2; phần đất vườn cụ Th nhận từ bà N1 là 273m2: 2 = 136,5m2; phần tài

sản cụ Th được chia và giao từ di sản thừa kế của cụ H là: (360m2 đất ở : 2) + (447m2 đất vườn : 2)= 403,5m2. Tổng cộng cụ Th được giao quyền quản lý, sử dụng 1080m2 đất trong đó có 360m2 đất ở, 720m2 đất vườn có tổng giá trị là **1.476.000.000 đồng.** Đối với tài sản trên đất gồm nhà ở, các công trình khác do bà N và bà N1 xây dựng. Tại phiên tòa bà N và bà N1 đều không đề nghị cụ Th phải thanh toán giá trị ngôi nhà, công trình khác trên đất cho mình. Đối với cây cối trên đất, các đương sự đều xác định giá trị không đáng kể và không yêu cầu phân chia nên cụ Th cũng được quyền sở hữu toàn bộ cây cối trên đất.

[3] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

- Về tiền chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng, tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: bà Đinh Thị N tự đứng ra tự chi trả, không yêu cầu các đồng thừa kế phải thanh toán, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Ông Đinh Văn C phải nộp án phí theo luật định; cụ Hoàng Thị Th, bà Đinh Thị N và ông Đinh Văn C1 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 357, 468, 609, 611, 612, 613, 623, 650, 651 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình, Các Điều 95, 99, 167 Luật Đất đai, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**1.** Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị N về việc đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Đinh Cao H (Đinh Văn Huy). Xác định di sản thừa kế của cụ Đinh Cao H để lại là 180m2 đất ở và 223,5m2 đất vườn tại thửa đất số 36 tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính xã V, huyện N, tỉnh N có tổng giá trị 628.800.000 đ (sáu trăm hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng)**.** Chia di sản thừa kế của cụ Đinh Cao H theo trị giá bằng tiền cho 6 đồng thừa kế là cụ Hoàng Thị Th, bà Đinh Thị N, bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị N1, ông Đinh Văn C, ông Đinh Văn C1 mỗi người hưởng kỷ phần thừa kế bằng nhau là 104.800.000đ (một trăm linh bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Chấp nhận việc các bà Đinh Thị L, Đinh Thị N1 nhường kỷ phần thừa kế của mình cho cụ Hoàng Thị Th, ghi nhận việc bà Đinh Thị N1 nhường quyền sử dụng 136,5 m2 đất vườn tại thửa đất số 36 tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính xã V, huyện N cho cụ Hoàng Thị Th.

Cụ Hoàng Thị Th được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ di sản thừa kế của cụ Đinh Cao H là 180m2 đất ở và 223,5m2 đất vườn tại thửa đất số 36 tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính xã V, huyện N, tỉnh N có tổng giá trị 628.800.000 đ (sau trăm hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng) cộng với phần tài sản riêng của cụ Th là 180m2 đất ở và 223,5m2 đất vườn, cộng với phần đất vườn cụ Th nhận từ

bà N1 là 136,5m2 đất vườn tại thửa đất số 36. Tổng cộng cụ Hoàng Thị Th được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 36 tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính xã V, huyện N, tỉnh N có diện tích là 1080m2 đất trong đó có 360m2 đất ở, 720m2 đất vườn có giá trị tổng là 1.476.000.000 đồng. Thửa đất có tứ cận như sau: phía Đông giáp thửa 37 dài 14m; phía Tây giáp thửa 33 dài 12m; phía Nam giáp các thửa 393, 477 dài 46m; phía Bắc giáp thửa 36 dài 38m. Cụ Th được sở hữu toàn bộ tài sản là nhà ở, công trình khác trên đất và cây cối trên phần đất được chia, được giao quyền quản lý, sử dụng.

Cụ Hoàng Thị Th có quyền kê khai, đăng ký biến động, sang tên trước bạ quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia và giao quyền quản lý, sử dụng tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Có sơ đồ thực địa với số đo các cạnh cụ thể kèm theo.

**2. Về nghĩa vụ thanh toán tiền cho các đồng thừa kế:**

Cụ Hoàng Thị Th phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Đinh Thị N số tiền là 104.800.000 đ (một trăm linh bốn triệu tám trăm nghìn đồng), thanh toán cho ông Đinh Văn C1 số tiền là 104.800.000 đ (một trăm linh bốn triệu tám trăm nghìn đồng) và thanh toán cho ông Đinh Văn C số tiền là 104.800.000 đ(một trăm linh bốn triệu tám trăm nghìn đồng),

**3. Về án phí:**

Ông Đinh Văn C phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.240.000 đồng.

Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với cụ Hoàng Thị Th, ông Đinh Văn C1 và bà Đinh Thị N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận***:
- Toà án tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện NQ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Hữu Quốc**